

**TỌp ,n nh©n d©n
Thụnh phè viÖt tr×
tØnh phó thã**

**Céng hơp x· hếi chñ nghÜa viÖt nam
§éc lẾp - Tù do - Hình phóc**

B¶n ,n sè: 18/2019/HNG§-ST

Ngự: 24 /5/2019

(V/v: Ly h«n)

**Nh©n danh
n-íc céng hơp x· hếi chñ nghÜa viÖt nam**

**TỌp ,n nh©n d©n thụnh phè viÖt tr× - tØnh phó thã
Thụnh phÇn Hếi ®ảng xĐt xõ s¬ thỀm gảm cũ:**

ThỀm ph,n - Chñ to¹ phi^qn toµ: Bà **Nguyễn Thị Phương Hoa**

C,c Hếi thỀm nh©n d©n: 1/ Ông **Nguyễn Huy Trự**

2/ Ông **Lã Ngọc Tường**

Th- ký phi^qn toµ: Bà **Nguyễn Cẩm Vân** - C,n bé Tòa án nhân dân thành phố ViÖt Tr×.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì: Bà **Lê Thị Thanh Hải** - Kiểm sát viên

Ngự 24 th,ng 5 nãm 2019, tñi trõ sè Tọp ,n nh©n d©n Thụnh phè ViÖt tr× xĐt xõ c«ng khai vớ ,n thõ lý sè: 585 /2018/TLST - HNGĐ ngự 07 th,ng 12 nãm 2018 vỜ việc ly hôn. Theo QuyÖt ®Đnh ®-a vớ ,n ra xĐt xõ sè: 214 /2019/Q§XX-ST ngự 06 th,ng 4 nãm 2019. Gi÷a c,c ®--ng sù:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị L** – sinh năm 1989

BĐ ®-n: **Anh Hà Hoàng L** – sinh năm 1985

Đều trú tại: Tổ 46B, khu 10, phường T, thành phố V, tỉnh P

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Công ty TNHH vận tải V, đại diện là chị **Trần Thị Thanh T**, Chức vụ: Giám đốc Công ty.

Địa chỉ: Tổ 29, phố H, phường B, thành phố V, tỉnh P

(Chị L, anh L, chị T đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị Nguyễn Thị L và anh Hà Hoàng L đăng ký kết hôn với nhau ngày 16/02/2012 tại UBND phường B, thành phố V, tỉnh P

Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Qu, tr×nh chung sèng vớ chảng hình phóc một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyªn nh©n xảy ra do anh Hà Hoàng L mãi chơi không quan tâm gì đến gia đình, vợ con và ngày 29/6/2018 anh L bị Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì xử phạt về tội “ Đánh bạc”. Sau thời gian này quan hệ vợ chồng ngày càng nhiều mâu thuẫn.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn chị xin được ly hôn anh Hà Hoàng L.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Hà Gia B, sinh ngày 19/8/2013 và Hà Nguyễn Phương A, sinh ngày 21/01/2019.

Khi ly hôn chị xin được nuôi 02 con chung và không đề nghị anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị L trình bày vợ chồng có 01 nhà 2,5 tầng nằm trên đất diện tích 76,8m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA587589 do UBND thành phố V cấp ngày 16/9/2015, đất đứng tên chị Nguyễn Thị L và anh Hà Hoàng L. Nhà xây cuối năm 2015.

Khi ly hôn chị xin được sở hữu nhà + sử dụng đất và thanh toán tiền chênh lệch cho anh L

Về công sức, nợ chung: Chị L trình bày vợ chồng không có, không nợ chung ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là anh Hà Hoàng L trình bày: Về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung, công sức, nợ chung anh nhất trí như chị L đã trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như chị L trình bày là đúng, nhưng vì các con còn nhỏ nên anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Khi ly hôn anh xin được nuôi một con chung là cháu Hà Gia B và không đề nghị chị L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Khi ly hôn anh xin được sở hữu nhà + sử dụng đất và thanh toán tiền chênh lệch cho chị L.

Về công sức, nợ chung: Anh L trình bày vợ chồng không có, không nợ chung ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là Công ty TNHH vận tải V – đại diện là chị Trần Thị Thanh T trình bày:

Trong quá trình hoạt động của Công ty TNHH vận tải V năm 2017 anh Hà Hoàng L đã thuê Công ty TNHH Vận tải V vận chuyển cước hàng với số tiền anh Liêm còn nợ là 172.680.900đồng (Một trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn chín trăm đồng).

Nay Công ty TNHH vận tải V đề nghị: khoản tiền này là anh L mang về chi tiêu trong gia đình nên là nợ chung; anh L, chị L phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 172.680.900đồng.

Phía bị đơn là anh Hà Hoàng L trình bày: Anh xác định xuất phát do anh là nhân viên của Công ty TNHH vận tải V phụ trách việc điều xe của Công ty chở hàng cho khách. Khi kế toán Công ty bảo anh ký đối chiếu vào biên bản công nợ khách hàng ngày 04/9/2018 là do anh chưa đọc kỹ nên anh mới ký và nghĩ rằng cùng ký để đi đòi nợ khách hàng. Nay tại Tòa án anh không nhất trí trả khoản tiền 172.680.900đồng (Một trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn chín trăm đồng) mà Công ty TNHH vận tải V đòi anh, anh yêu cầu Công ty phải xuất trình các tài liệu, chứng cứ chứng minh anh đã thuê xe của Công ty TNHH vận tải V (như Công ty đã khai) và sau khi xem lại sổ sách anh nhận thấy trên biên bản công nợ anh ký với Công ty TNHH vận tải V số tiền

theo bảng kê là sai, thực nợ trên giấy là 116.521.000đồng mà anh còn ở Công ty số tiền chưa lấy là năm 2017 anh có cho anh L (con ông bà T – L) vay số tiền 20.000.000đồng ở khu Đ, phường T, V, P. Đối trừ công nợ anh K xe chạy xỉ Hoàn Hảo về Cao xá anh đã đưa ông D lái xe của anh Kiên 7.086.000đồng, việc này anh Kiên chủ xe có xác nhận không nộp phiếu về thanh toán tại Công ty TNHH vận tải V, ngày 01.8.2018 anh đã chở chuyển gạch cho Công ty TNHH vận tải V giá 9.500.000đồng và anh đã ứng tiền của mình thanh toán chuyển hàng cho Công ty, anh đã thanh toán thay cho anh Nguyễn Hữu T ở tổ 23, phường T, V, P số tiền 128.260.000đồng và có xác nhận cá nhân anh Lưu Minh Đ – đại diện Công ty L, anh đã chuyển khoản và thanh toán cho anh Đ về số tiền trên. Do vậy anh đề nghị Công ty TNHH vận tải V xem xét lại số công nợ trên.

Người làm chứng là anh Nguyễn Hữu T trình bày: Tôi không biết và không có liên quan đến việc anh Hà Hoàng L gọi xe vận chuyển và trả cước cho Công ty TNHH vận tải V. Về khoản anh L nói trả thay cho tôi số tiền 128.260.000đồng là không đúng, tôi có đầy đủ kiến thức để tự tôi làm những việc thanh toán tiền mua hàng hay làm việc với khách hàng nên tôi không liên quan đến việc anh L kê là trả thay cho tôi số tiền đó. Tôi cũng không biết anh Đ là ai và cũng không thuê tàu nào vận chuyển hàng như vậy. Do vậy tôi không liên quan đến vụ việc nên đề nghị Tòa án không triệu tập tôi.

Ngoài ra anh Hà Hoàng L có khai anh chưa đòi tiền được từ khách hàng là khoản than Bắc Á và xỉ Bãi bằng – Cao xá của anh Trần Ngọc K 49.848.550đồng ở khu 1, Đ, huyện T, tỉnh P

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Hà Hoàng L có khai việc anh có nợ số tiền 414.000.000đồng của anh Nguyễn Duy V ở khu 4, phường T, V, P (số tiền này xuất phát từ việc anh vay để trả nợ tiền than cho Công ty T) do vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết công nợ này để anh có trách nhiệm trả số tiền này cho anh Nguyễn Duy V. Tòa án cũng triệu tập anh V đến Tòa, anh V đã có bản tự khai tại Tòa án và anh yêu cầu anh L phải có trách nhiệm trả khoản tiền trên cho anh, nhưng khi Tòa án ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí của người có yêu cầu độc lập cho anh V và đã được tổng đạt hợp lệ, hết thời hạn anh V không đến Tòa án nộp tiền tạm ứng án phí coi như anh V tự từ chối quyền lợi và nghĩa vụ của mình.

Quan điểm của chị L về khoản nợ của anh L: Chị không liên quan gì đến khoản nợ giữa anh L và Công ty TNHH vận tải V nên chị không có trách nhiệm phải trả nợ cho Công ty TNHH vận tải V

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về ý kiến nội dung giải quyết vụ án:

- Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Hà Hoàng L

- Về con chung: Giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là Hà Nguyễn Phương A, sinh ngày 21/01/2019 và Hà Gia B, sinh ngày 19/8/2013. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Giao cho chị L sử hữu toàn bộ ngôi nhà 3 tầng xây năm 2015, xây dựng trên thửa đất số 163, tờ bản đồ số 06, diện tích 76,8m² tại khu 14, phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đã được UBND thành phố Việt Trì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số CA587589 ngày 16/9/2015 đứng tên anh Hà Hoàng L và chị Nguyễn Thị L. Chị L có trách nhiệm thanh toán chênh lệch phần giá trị tài sản mà mình được hưởng cho anh Hà Hoàng L số tiền là 402.600.000đồng (Bốn trăm linh hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Về nợ chung, công sức đóng góp: Không có.

- Về nợ riêng: Chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty TNHH vận tải V.

Buộc anh Hà Hoàng Liêm phải thanh toán cho Công ty TNHH vận tải V số tiền 172.680.900đồng.

Án phí: Chị L và anh L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1) Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp về việc xin ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Hà Hoàng L là tranh chấp Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì theo qui định tại khoản 1- điều 28; điểm a- khoản 1- điều 33; điểm a- khoản 1- điều 39- bộ luật tố tụng dân sự.

- Về trình tự thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các trình tự thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Các bên đương sự đã được tổng đạt hợp lệ và đã có lời khai tại Tòa.

2) Về nội dung: Xem xét quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L, Hết ảnh hưởng xã hội của cả hai từ nguyên nhân hi hữu cả đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống cả hai phát sinh mâu thuẫn, do anh L mãi chơi không quan tâm đến gia đình, vợ con. Tháng 6/2018 anh L đã bị Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xử phạt về tội đánh bạc. Anh L xin đoàn tụ, nhưng anh cung thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn như chị L trình bày. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được đời sống chung không thể kéo dài cần cho chị L và anh L ly hôn là phù hợp thực tế và phù hợp pháp luật.

Về con chung: Chị L và anh L đều thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Hà Gia B, sinh ngày 19/8/2013 và Hà Nguyễn Phương A, sinh ngày 21/01/2019. Khi ly hôn chị L xin được nuôi 2 con chung, còn phía anh L xin được nuôi cháu B.

Xét thấy chị L, anh L đều có nguyện vọng xin được nuôi con là chính đáng, nhưng xét về điều kiện kinh tế và công ăn việc làm, hiện nay chị L đang làm kế toán tại Công ty cổ phần ô tô T mức lương ổn định trung bình là 9.000.000đồng/tháng, còn anh L không có công ăn việc làm ổn định, đang có án tích, cháu Phương A thì mới

được gần 4 tháng tuổi. Do vậy để đảm bảo điều kiện vật chất, tinh thần để cho các cháu phát triển bình thường, cần giao 2 con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy việc chị L không yêu cầu anh L phải đóng góp tiền nuôi con là tự nguyện nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung: Chị L và anh L đều thống nhất vợ chồng có 01 nhà 2,5 tầng nằm trên đất diện tích 76,8m², đất có số thửa 163, tờ bản đồ số 06 đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA587589 do UBND thành phố Việt Trì cấp ngày 16/9/2015 mang tên chị Nguyễn Thị L và anh Hà Hoàng L. Địa chỉ thửa đất: khu 14, phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Khi ly hôn chị L và anh L đều xin được sở hữu nhà + sử dụng đất và thanh toán tiền chênh lệch cho nhau.

Xét thấy ngôi nhà này không thể chia đôi, vì chia đôi sẽ làm mất đi tính năng sử dụng, chỉ có thể giao cho một bên sử hữu, sử dụng và thanh toán chênh lệch cho bên kia. Xét về điều kiện cụ thể: chị L vừa mới sinh cháu thứ hai được hơn 3 tháng, cháu B cũng còn nhỏ do vậy cần giao cho chị L được sở hữu nhà và sử dụng đất, chị L có trách nhiệm thanh toán chênh lệch cho anh L. Theo biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản ngày 17/01/2019 tổng cả đất và nhà có tổng trị giá là 805.200.000đồng. Hai bên không ai chứng minh được mình có công sức đóng góp nhiều hơn trong khối tài sản chung này do vậy cần chia đôi. Do vậy chị L có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch cho anh L là 402.600.000đồng.

Về công sức, nợ chung: Xét thấy chị L và anh L đều thống nhất vợ chồng không có công sức và cũng không nợ chung ai nên không đặt ra giải quyết là phù hợp pháp luật.

Xét về số tiền 172.680.900đồng (Một trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn chín trăm đồng) mà Công ty TNHH vận tải V đòi L và chị L. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Hà Hoàng L cho rằng việc này không liên quan gì đến chị L và chị L cũng có quan điểm chị không liên quan gì đến khoản nợ này nên chị không có trách nhiệm trả khoản nợ cho Công ty TNHH vận tải V. Phía công ty TNHH vận tải V cho rằng đây là khoản nợ chung vì anh L đem khoản tiền này về để làm nhà và đề nghị Tòa án buộc cả hai vợ chồng anh L có trách nhiệm trả nợ.

Khoản tiền này có nguồn gốc từ việc vào năm 2017 anh L có thuê xe của công ty để chở hàng. Tuy rằng hai bên không giao kết hợp đồng chặt chẽ, nhưng hai bên đã có biên bản đối chiếu công nợ ngày 04/9/2018 anh L còn nợ Công ty số tiền 172.680.900đồng. Việc anh L khai quá trình đối chiếu công nợ anh nghĩ rằng hai bên cùng đối chiếu để đi đòi nợ tiền khách hàng do vậy anh đã ký vào biên bản đối chiếu công nợ. Xét thấy việc anh Hà Hoàng L là người có đủ hiểu biết, có năng lực hành vi dân sự, việc anh ký vào biên bản đối chiếu công nợ là anh đã đồng ý xác nhận chốt nợ với Công ty TNHH vận tải V, mặt khác, tại bản tự khai ngày 26/12/2018 anh L cho rằng số tiền này liên quan tới anh T, anh K, anh H. Anh T đến Tòa án khai số tiền trên anh không biết và không liên quan gì; Tòa án ủy thác thu thập chứng cứ ở địa chỉ anh L cung cấp

không có ai tên là K; anh H thì không có họ tên địa chỉ cụ thể do vậy Tòa án không thể triệu tập lấy lời khai(Tòa án không triệu tập bằng điện thoại) do vậy anh L không có chứng cứ gì chứng minh cho lời khai của mình. Vì vậy cần buộc anh L phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH vận tải V số tiền còn nợ là 172.680.900đồng(chỉ trả gốc vì công ty TNHH vận tải V không yêu cầu tính lãi). Chỉ buộc anh L phải trả khoản tiền này cho công ty TNHH vận tải V, vì chị T khai anh L mang tiền về làm nhà nhưng thực tế vợ chồng anh L làm nhà từ năm 2015 mãi đến năm 2017 khoản nợ này mới hình thành.

Đối với khoản nợ của anh Nguyễn Duy V đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng anh V không nộp tiền tạm ứng án phí cho yêu cầu độc lập của mình nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3) Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị L phải chịu án phí li hôn sơ thẩm, chị L, anh L phải chịu án phí chia tài sản.

$V \times c, c \text{ lãi } tr^n$,

Quyết định

Căn cứ: §100 51, Điều 56, Điều 59, Điều 61, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 530, 531, 533 Bộ luật dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L và anh Hà Hoàng L ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung là Hà Gia B, sinh ngày 19/8/2013 và Hà Nguyễn Phương A, sinh ngày 21/01/2019 cho đến khi con chung trưởng thành lao động, tự túc được. Anh Hà Hoàng L không phải đóng góp tiền nuôi con vì chị L tự nguyện không yêu cầu.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L được sở hữu và sử dụng 01 nhà 2,5 tầng nằm trên đất diện tích 76,8m², đất có số thửa 163, tờ bản đồ số 06 đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA587589 do UBND thành phố Việt Trì cấp ngày 16/9/2015 mang tên chị Nguyễn Thị L và anh Hà Hoàng L. Địa chỉ thửa đất: khu 14, phường T, thành phố V, tỉnh P. Chị L có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch cho anh Hà Hoàng L nhà và đất tổng là 402.600.000đồng (Bốn trăm linh hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

4. Về nợ riêng: Buộc anh Hà Hoàng L phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH vận tải V số tiền 172.680.900đồng (Một trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn chín trăm đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo quy định Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

5/ Về án phí: Áp dụng khoản 1, khoản 2, khoản 4 §100 147 BLTTDS, khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 20.104.000đồng(Hai mươi triệu một trăm linh tư nghìn đồng) án phí chia tài sản (xác nhận chị L đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000415 ngày 07/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì). Anh Hà Hoàng L phải chịu 20.104.000đồng(Hai mươi triệu một trăm linh tư nghìn đồng) án phí

chia tài sản và phải chịu 8.634.000 đồng (Tám triệu sáu trăm ba tư nghìn đồng) án phí dân sự. Hoàn lại cho Công ty TNHH vận tải V số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 4.300.000 đồng (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000473 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V.

“Trên đây là nội dung của bản án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, các đương sự chấp hành theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt tại phiên tòa cả đương sự kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, không có yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nội dung:

- VKSND TP, tỉnh;
- Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND phường Bến Gót;
- Luật sư, pháp sư.

T.M héi Đảng xã SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp

Nguyễn Thị Phương Hoa